TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/DS-ST
Ngày: 31-3-2026
"V/v Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Chí Sĩ
2. Ông Nguyễn Đức Điền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

- *Đại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp:* Bà Phan Thị Thu Trang– Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 518/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: T1 (CEP)

Người đại diện theo pháp luật: Ông: Hoàng Văn T - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Nguyễn Thị Ngọc D - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh C.

Theo văn bản ủy quyền Số 249/GUQ-CEP của hội đồng thành viên Tổ chức tài chính vi mô CEP ngày 23/04/2024.

Đại diện theo ủy quyền của bà D là anh Bùi Trí S, nhân viên tín dụng chi nhánh C; Địa chỉ: Số A T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Thái Thị Ú, Sinh năm 1969

Phạm Văn Đ, Sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nay là Ấp D, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh S có mặt, bà Ú, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Bùi Trí S trình bày:

Căn cứ hợp đồng vay vốn ngày 22/03/2022, Bà Thái Thị Ú có vay của T1 (CEP) - CN Cao Lãnh số tiền là nh

Mục đích vay vốn: Nông nghiệp.

Thời hạn vay: 12 tháng.

Bên vay trả nợ gốc định kỳ 01 tháng một lần, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 20/04/2022, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 20/03/2023.

Lãi suất cho vay là 0.68%/tháng.

Một tháng bà Thái Thị Ú sẽ thanh toán tiền gốc và lãi 1 lần, số tiền phải đóng là 2.730.000 đồng (cụ thể: tiền vốn gốc là 2.526.000 đồng, tiền lãi là 204.000 đồng). K cuối cùng sẽ là số tiền 2.418.000 đồng. Tuy nhiên theo quy định của quỹ CEP khi khách hàng trả vốn gốc hàng tháng thì mỗi tháng bà Ú phải đóng thêm 370.000 đồng tiền tiết kiệm, bà Ú đã đóng được 3 tháng được số tiền 1.110.000 đồng.

Chồng bà Thái Thị Ú là ông Phạm Văn Đ có ký cam kết bảo lãnh.

Bà Thái Thị Ú đã góp được số tiền là 16.810.374 đồng (trong đó tiền gốc và lãi là 15.700.374 đồng, tiền tiết kiệm là 1.110.000 đồng). Do bà Ú ngưng đóng tiền góp hàng tháng nên theo quy định quỹ CEP ngày 28/7/2022 đã cấn trừ tiền tiết kiệm là 1.110.000 đồng là 374 đồng tiền lãi vào nợ gốc cho bà Ú. Hiện tại bà Ú còn nợ lại T1 (CEP) số tiền là 16.747.626 đồng.

Hợp đồng vay vốn 22/03/2022 của bà Thái Thị Ú đã hết hạn vào ngày 20/03/2023. Vào ngày 08/10/2024 bà Ú ngưng thanh toán khoản nợ cho đến nay, CEP cũng đã hoàn thành xong việc đáo hạn. Phía bà Thái Thị Ú vẫn chưa hoàn tất khoản nợ vay cho CEP. Số tiền còn nợ là 16.747.626 đồng vẫn chưa thanh toán, trong đó: vốn là 15.115.626 và lãi là 1.632.000 đồng.

T1 (CEP) khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà Thái Thị Ú và ông Phạm Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho T1 (CEP) số tiền còn lại là 16.747.626 đồng (bằng chữ: Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn T1 (CEP) xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: T1 (CEP) chỉ yêu cầu một mình bà Thái Thị Ú trả cho T1 (CEP) số tiền còn nợ là 16.747.626 đồng, không yêu cầu ông Phạm Văn Đ liên đới trả nợ.

Đối với bị đơn là bà Thái Thị Ú và ông Phạm Văn Đ đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- 01 Quyết định thành lập Chi nhánh Cao Lãnh số 627/QĐ-CEP ngày 08/9/2017 (Bản photo có đóng dấu treo);

- 01 Giấy chứng hận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV (Bản photo có đóng dấu treo);

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Bản photo có đóng dấu treo);

- 01 Giấy ủy quyền số 249/GUQ-CEP ngày 23/4/2024 (Bản photo có đóng dấu treo);

- Giấy Giấy chứng minh nhân dân Thái Thị Ú, Phạm Văn Đ (Bản photo có đóng dấu treo);

- Cam kết bảo lãnh (Bản photo có đóng dấu treo);

- Hợp đồng vay vốn số ngày 22/3/2022 (Bản photo có đóng dấu treo)

- Biên bản giao vốn ngày 22/3/2022 (Bản photo có đóng dấu treo);

- Báo nợ ngày 24/4/2025 (Bản photo có đóng dấu treo);

- Danh sách cho vay (Bản photo có đóng dấu treo)

- 01 Giấy ủy quyền ngày 20/8/2025

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là bà Thái Thị Ú và ông Phạm Văn Đ biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Thái Thị Ú có trách nhiệm trả cho T1 (CEP) số tiền còn nợ là 16.747.626 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T1 về việc yêu cầu bà Thái Thị Ú có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 16.747.626 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện T1 yêu cầu bà Thái Thị Ú và ông Phạm Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 16.747.626 đồng.

Tại phiên tòa tại phiên tòa nguyên đơn trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: T1 chỉ yêu cầu bà Thái Thị Ú có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 16.747.626 đồng.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn T1 yêu cầu bà Thái Thị Ú trả tiền vay vốn còn nợ là: 16.747.626 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 22/3/2022, bà Thái Thị Ú có ký hợp đồng vay vốn với T1 (CEP) vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn để làm nông nghiệp, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 0,68%/tháng. Thỏa thuận kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ 01

tháng 01 lần, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 20/4/2022, số tiền phải đóng là 2.730.000 đồng. Kỳ cuối cùng ngày 20/3/2023 sẽ là số tiền 2.418.000 đồng.

Tại thời điểm ký kết giao dịch, các bên có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Căn cứ Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định giao dịch dâm sự đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và hợp pháp, có giá trị pháp lý.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định khi đến hạn thanh toán thì bà Ú đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo như hai bên đã thỏa thuận ký kết. Cụ thể, bà Ú đã vi phạm phương thức than toán, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạnh thanh toán mặc dù T1 đã nhiều lần yêu cầu nhắc nhở về việc trả nợ nhưng bà Ú vẫn không có thiện chí thực hiện. Hiện nay thì bà Ú còn nợ T1 vốn gốc là 16.747.626 đồng.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (T1), cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn (T1) nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn (bà Ú và ông Đ). Tuy nhiên, bị đơn (bà Ú và ông Đ) vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (T1).

Do đó, việc T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Ú có nghĩa vụ trả cho T1 số tiền vốn còn nợ là 16.747.626 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định như sau:

Bà Ú phải chịu án phí sơ thẩm số tiền: 16.747.626 đồng x 5% = 837.400 đồng.

- T1 không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 117, 357, 468, 463 của Bộ luật dân sự;

Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T1

Buộc bà Thái Thị Ú có nghĩa vụ trả cho T1 số tiền 16.747.626 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Bà Thái Thị Ú phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 837.400 đồng.

- T1 không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp là 419.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006892 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9;
- TAND Tỉnh;
- THADS tỉnh Đồng Tháp
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa